TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày: 14/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Định và bà Phạm Thị Hoa.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 2 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quốc S, sinh năm 1989 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Quốc S (đã chết) và bà Trương Thị T; vợ, con: Chưa; Tiền án: Ngày 29/6/2020, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 45 tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", chấp hành án xong ngày 05/5/2023; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/02/2016, Toà án nhân dân huyện L áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng; bị tạm giữ từ ngày 28/10/2023 và chuyển tạm giam từ ngày 03/11/2023 đến nay; có mặt.

2. Trần Phúc T, sinh năm 1991 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn A, xã Đ huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Phúc V và bà Trương Thị Q; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/10/2023 và chuyển tạm giam từ ngày 03/11/2023 đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn Hải Long, xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Đỗ Thị Thanh H1, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Bà Phùng Thị L, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tiểu khu P, thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Anh Chu Văn H2, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tiểu khu P, thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 25/10/2023, Nguyễn Quốc S đang ở nhà thì Trần Phúc T đến chơi. Do thiếu tiền tiêu sài nên S rủ T đi dọc đường xem có ai sơ hở tài sản thì trộm cắp tài sản, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô BKS: 90B1-687.36 chở S ngồi phía sau đi dọc theo nhiều tuyến đường trên địa bàn huyện L. Khoảng 09 giờ cùng ngày, khi đi đến địa phận thôn H, xã N, huyện L thì S nhìn thấy một rạp đám cưới, có nhiều xe mô tô các loại để ở vệ đường gần rạp trong đó có xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha BKS: 90B2 - 108.23 của ông Đỗ Văn D. S nói với T: "*Có con hàng ngon dễ chơi*". Hiểu ý S nói có xe mô tô dễ lấy trộm nên T điều kiển xe đi qua rạp đám cưới khoảng 50m, mục đích để quan sát người trong rạp đám cưới thì thấy người trong rạp đang ăn cỗ nên T điều khiển xe quay lại và giảm tốc độ để Sơn có thể nhảy xuống. Khi đến gần vị trí để xe mô tô của ông D, S nhảy xuống đất và nói "*Về trước đi*", hiểu ý của S nên T đi về trước. S đi đến vị trí xe mô tô BKS: 90B2 - 108.23, quan sát thấy không có ai để ý nên lấy chìa khóa điện xe mô tô của Sơn cắm vào ổ khóa điện của xe mô tô BKS: 90B2 - 108.23 thì mở được khóa điện, S nổ máy và điều khiển xe đi về khu vực thôn P, xã C, huyện L thì dừng lại, tiếp tục lấy chìa khóa xe mô tô của mình mở cốp xe mô tô BKS: 90B2 - 108.23 ra kiểm tra thì thấy bên trong có một bọc tiền đều có mệnh giá 200.000đồng được gói trong một tờ giấy, S đếm được tổng 10.000.000 đồng và một bọc tiền lẻ S không đếm, một số tờ giấy A4, đồ vật khác. S bỏ tiền vào túi quần, đồ vật còn lại S dùng bật lửa đốt đi rồi điều khiển xe tiếp tục đi về phía Thành phố Hà Nội. Trên đường đi, S vào một cửa hàng sửa chữa xe máy thay thế ổ khóa điện và tháo biển biển kiểm soát của xe mô tô BKS: 90B2 - 108.23 hết 200.000 đồng rồi tiếp tục đi lên thành phố Hà Nội, S ném biển kiểm soát xe vừa tháo xuống vệ đường. Khi đi đến thị trấn P M, huyện P, thành phố Hà Nội, S gọi điện và hẹn gặp Chu Văn H2. Một lúc sau H2 điều khiển xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 90B2 - 119.82 (*là xe của S cầm cố cho H2 trước đó*) đến thì S nói với H2 "*có chiếc xe không biển đi lại khó khăn cho tao gửi lại*" thì H2 nói "*mang ra quán nước của mẹ tao gửi ở đó*". S mang xe ra quán nước của bà Phùng Thị L (là mẹ đẻ H2) gần đó gửi. Đồng thời bảo H2 cho S lấy chiếc xe môtô BKS: 90B2 - 119.82 về đi làm thủ tục sang tên đổi chủ thì H2 đồng ý rồi đưa xe cho S. S điều khiển xe mô tô BKS: 90B2 - 119.82 đi về tỉnh Hà Nam, trên đường đi S vào cửa hàng điện thoại trên địa bàn huyện P dùng 1.500.000đồng - là tiền trộm cắp được mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi A9. Khi về đến nhà, S gặp và đưa cho Trần Phúc T 700.000 đồng, biết là tiền do S trộm cắp xe được mà có nên T cầm tiền và sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân.

Sau khi phát hiện bị mất xe, ông D đến Công an xã N trình báo. Quá trình điều tra, xác minh Công an xã N thấy S và T có biểu hiện nghi vấn đã triệu tập S và T để đấu tranh, làm rõ thì S và T thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô BKS: 90B2 - 108.23 của ông D.

Quá trình điều tra Công an đã thu giữ: Thu giữ của Nguyễn Q Sơn 01 xe môtô, nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 90B2 - 119.82; 01 giấy bán xe ngày 08/7/2023 của cửa hàng xe máy Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi A9 và số tiền 2.250.000 đồng; thu giữ của Trần Phúc T 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 90B1 - 687.36; 01 Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Phúc T; 01 áo phông cộc tay màu trắng; 01 quần đùi màu xanh và số tiền 99.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của S và T, Cơ quan điều tra không thu giữ tài liệu, đồ vật gì liên quan đến vụ án.

Ngày 03/11/2023 bà Phùng Thị L giao nộp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha không đeo biển kiểm soát, màu sơn: Xanh - đen - bạc, số khung: RLHHC1252FY037991, số máy HC12E7038082 để phục vụ điều tra.

Tại bản kết luận số 41/KL-ĐGTS ngày 01/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lý Nhân, kết luận: "*Giá trị trên hồ sơ của 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Anpha, màu sơn: Xanh-đen-bạc, số khung: RLHHC1252FY037991, số máy HC12E7038082, BKS: 90B2 - 108.23, xe mô tô cũ, đã qua sử dụng là 8.775.000 (Tám triệu bẩy trăm bẩy mươi lăm nghìn) đồng".*

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha không đeo biển kiểm soát, màu sơn: Xanh - đen - bạc, số khung: RLHHC1252FY037991, số máy HC12E7038082 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Đỗ Văn D.

Đối với tài sản, đồ vật thu của Nguyễn Quốc S gồm 01 xe môtô, nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 90B2 - 119.82; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi A9 và số tiền 2.250.000 đồng; tài sản, đồ vật thu của Trần Phúc T 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 90B1 - 687.36; 01 Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Phúc T; 01 áo phông cộc tay màu trắng; 01 quần đùi màu xanh và số tiền 99.000 đồng được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Quốc S và Trần Phúc T đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho ông Đỗ Văn D với số tiền 10.000.000 đồng. Ông D đã nhận đủ số tiền, đã nhận lại xe mô tô và không có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Quốc S và Trần Phúc T.

Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo Nguyễn Quốc S và Trần Phúc T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS-LN ngày 31/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, truy tố Nguyễn Quốc S và Trần Phúc T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc S và Trần Phúc T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo; áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T; áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo S, xử phạt Nguyễn Quốc S từ 24 đến 27 tháng tù, xử phạt Trần Phúc T từ 15 đến 18 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì cả hai bị cáo đều không có tài sản, công việc và thu nhập không ổn định. Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại bị cáo S 01 xe môtô, nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 90B2 - 119.82, 01 giấy bán xe ngày 08/7/2023 của cửa hàng xe máy Q; trả lại ông D số tiền 2.349.000đồng; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 90B1 - 687.36; 01 Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Phúc T, 01 điện thoại di động nhãn hiếu RedmiA9; tịch thu và tiêu huỷ 01 áo phông cộc tay màu trắng và 01 quần đùi màu xanh. Đồng thời đề xuất buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Quốc S và Trần Phúc T đều khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân đã truy tố; không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

- Bị hại: Ông Đỗ Văn D xác định ngày 25/10/2023 ông bị mất xe mô tô BKS: 90B2-108.23 và số tiền 11.520.000đồng ở trong cốp xe; gia đình các bị cáo đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho ông 10.000.000đồng, ông đã nhận lại chiếc xe mô tô mà các bị cáo đã chiếm đoạt. Ông D xin được nhận lại số tiền 2.349.000đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ông D không còn yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, khách quan.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được và các tài liệu, chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận:

Với mục đích chiếm đoạt tài sản, khoảng 09 giờ ngày 25/10/2023, tại thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Nguyễn Quốc S và Trần Phúc T đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha BKS: 90B2 - 108.23 trị giá 8.775.000đ, bên trong cốp xe có số tiền 11.520.000 đồng của ông Đỗ Văn D. Tổng trị giá tài sản S và T đã trộm cắp là 20.295.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Quốc S và Trần Phúc T đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam truy tố các bị cáo là có căn cứ đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân:* Bị cáo T có nhân nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Sơn có nhân thân xấu.

- *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo S đã bị kết án chưa được xóa án tích, lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Tái phạm*" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân; các bị cáo đều tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân đối với việc quản lý tài sản. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có đủ giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, cũng đáp ứng được yêu cầu phòng ngừa tội phạm chung trong cộng đồng hiện nay.

Đây là vụ án có đồng phạm, các bị cáo không phân công vai trò, trách nhiệm cụ thể nên xác định là đồng phạm giản đơn. Bị cáo S là người khởi xướng, trực tiếp

thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò thứ nhất; bị cáo T là người điều khiển xe mô tô chở Sơn đi tìm tài sản trộm cắp nên là đồng phạm giúp sức giữ vai trò thứ hai.

Đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo yên tâm chấp hành án, sớm hòa nhập cộng đồng xã hội, đồng thời cũng thấy được tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có công việc và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 35 và khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Đỗ Văn D đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và được bồi thường thiệt hại với số tiền 10.000.000đồng, không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe môtô, nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 90B2 - 119.82 là của bị cáo S và 01 giấy bán xe ngày 08/7/2023 của cửa hàng xe máy Q không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại bị cáo S.

Đối với số tiền 2.349.000đồng là tài sản của ông D do S, T trộm cắp nên trả lại cho ông D.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 90B1 - 687.36; 01 Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Phúc T là phương tiện T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; 01 điện thoại di động nhãn hiệu RedmiA9 là tài sản S có được do phạm tội mà có. Vì vậy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 áo phông cộc tay màu trắng và 01 quần đùi màu xanh, bị cáo T đề nghị không nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với chị H1 là người có tên đăng ký quyền sở hữu chiếc xe mô tô BKS: 90B2-108.23, chị H1 không có yêu cầu gì nên không phải giải quyết.

Đối với bà Phùng Thị L (là mẹ của H2), tài liệu điều tra xác định bà L không biết nguồn gốc chiếc xe mà S mang đến gửi là do phạm tội mà có nên không có đủ căn cứ để xử lý về hành vi "*Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Đối với Chu Văn H2 là người nhận giữ chiếc xe BKS: 90B2 - 108.23 như lời khai của Nguyễn Quốc S sau đó bảo Sơn mang chiếc xe mô tô trên ra gửi tại quán nước của bà Phùng Thị L. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L đã nhiều lần triệu tập H2 để làm việc nhưng H2 không có mặt tại địa phương, chính quyền

địa phương không biết H2 đi đâu, làm gì. Do vậy chưa có đủ căn cứ để xử lý đối với Chu Văn H2 về hành vi "*Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*". Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện L tiếp tục điều tra, làm rõ, khi có căn cứ xử lý theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Quốc S, Trần Phúc T. Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Phúc T; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quốc S.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc S, Trần Phúc T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc S 27 *(Hai mươi bảy)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/10/2023.

Xử phạt: Bị cáo Trần Phúc T 18 *(Mười tám)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/10/2023.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo Nguyễn Quốc S 01 xe môtô, nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 90B2 - 119.82, số máy 5C6K-244872; số khung RLCS5C6K0, xe không gương chiếu hậu đã cũ qua sử dụng; 01 giấy bán xe ngày 08/7/2023 của cửa hàng xe máy Q.

- Trả lại ông Đỗ Văn D số tiền 2.349.000 *(Hai triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn)* đồng.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 90B1 - 687.36, số máy 5C6K-052562, xe không có gương chiếu hậu, xe cũ đã qua sử dụng kèm 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 059122 mang tên Trần Phúc T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu RedmiA9, số seri 38542/H1YC02464, màu xanh, bên trong lắp sim số 0899.125133 và 0345468004, máy cũ đã qua sử dụng.

- Tịch thu và tiêu hủy 01 áo phông cộc tay màu trắng, 01 quần đùi màu xanh.

(*Tình trạng vật chứng cụ thể như biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/02/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lý Nhân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân; số tiền xử lý nêu trên hiện đang gửi giữ tại Ủy nhiệm chi số 03 lập ngày 01/02/2024).*

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Quốc S, Trần Phúc T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối Cao (vụ GĐKT I).
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại giam CA tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự - Công an huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hân